



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN
NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CÔNG TY CP GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG

Địa chỉ: số 5A Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai,
quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 26

8-C
TY
HỮU
ĐINH
HAI
TP

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Thái Duy Long	Chủ tịch
Bà Bùi Thị Mỹ Quỳnh	Thành viên
Ông Phạm Thanh Minh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Thanh Minh	Giám đốc
Ông Phạm Đình Ngoan	Phó Giám đốc
Bà Đỗ Thị Hồng Điệp	Kế toán trưởng

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG



Phạm Thanh Minh
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 06 tháng 02 năm 2015

Số: 35 B-14/BC-TC/I-VAE

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng (“Công ty”), được lập ngày 06/02/2015, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản tiếng Việt Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng giữ năm (05) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Hùng Sơn

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Nguyễn Thị Hồng Vân

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2013-034-1



Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		43.537.440.370	42.166.001.288
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	34.153.673.983	34.045.515.582
1. Tiền	111		3.394.673.983	6.211.515.582
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.759.000.000	27.834.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.050.368.838	5.992.396.252
1. Phải thu của khách hàng	131	VII.3.1	4.528.103.302	4.211.541.708
2. Trả trước cho người bán	132	VII.3.2	578.870.000	429.200.000
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	943.395.536	1.351.654.544
IV. Hàng tồn kho	140		21.546.409	29.826.485
1. Hàng tồn kho	141	V.3	21.546.409	29.826.485
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.311.851.140	2.098.262.969
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		261.133.334	173.404.546
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VII.3.3	3.050.717.806	1.924.858.423
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		38.312.398.234	41.558.610.669
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		37.732.479.716	41.091.395.267
1. TSCĐ hữu hình	221	V.5	37.732.479.716	40.105.940.722
- Nguyên giá	222		113.505.364.006	111.700.342.280
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(75.772.884.290)	(71.594.401.558)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.4	-	985.454.545
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		579.918.518	467.215.402
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	579.918.518	467.215.402
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		81.849.838.604	83.724.611.957

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Đơn vị tính : VND	
			31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		19.076.727.914	19.999.368.611
I. Nợ ngắn hạn	310		16.529.153.142	18.572.445.827
2. Phải trả người bán	312	VII.3.4	687.873.477	613.380.477
3. Người mua trả tiền trước	313	VII.3.5	243.224.656	1.793.079.488
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.7	4.925.818.699	6.515.732.427
5. Phải trả người lao động	315		4.398.960.192	5.197.481.472
6. Chi phí phải trả	316	V.8	5.246.944.988	3.864.630.679
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.9	175.528.687	205.087.805
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		850.802.443	383.053.479
II. Nợ dài hạn	330		2.547.574.772	1.426.922.784
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.10	360.000.000	360.000.000
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	VII.3.6	2.187.574.772	1.066.922.784
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		62.773.110.690	63.725.243.346
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	62.773.110.690	63.725.243.346
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		42.000.000.000	42.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		6.001.124.543	4.918.728.179
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		493.966.854	958.337.885
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.717.916.504	2.116.335.890
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.613.565.526	1.252.617.158
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9.946.537.263	12.479.224.234
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		81.849.838.604	83.724.611.957

Hải Phòng, ngày 06 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY CP GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Mai Dinh

Đỗ Thị Hồng Điệp

Phạm Thanh Minh

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	259.630.487	259.630.487
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)	581.735,68	571.855,94

Hải Phòng, ngày 06 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY CP GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Mai Dinh

Đỗ Thị Hồng Điệp

Phạm Thanh Minh

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.12	56.435.648.799	59.207.157.169
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		56.435.648.799	59.207.157.169
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.13	39.681.973.934	38.428.148.185
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		16.753.674.865	20.779.008.984
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.14	1.172.473.425	1.442.176.483
7. Chi phí tài chính	22	VI.15	9.716.639	5.759.090
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.3.7	5.906.964.287	7.027.124.369
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30		12.009.467.364	15.188.302.008
11. Thu nhập khác	31	VII.3.8	160.912.352	938.336.968
12. Chi phí khác	32	VII.3.9	26.591.576	11.103.670
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		134.320.776	927.233.298
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		12.143.788.140	16.115.535.306
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.16	2.644.862.832	4.010.537.426
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		9.498.925.308	12.104.997.880
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.17	2.233	2.865

Hải Phòng, ngày 06 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY CP GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc






Nguyễn Thị Mai Dinh

Đỗ Thị Hồng Điệp

Phạm Thanh Minh

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2014	Năm 2013
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ & doanh thu khác	01		62.035.794.497	63.901.111.246
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá & dịch vụ	02		(32.204.973.835)	(28.488.383.465)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(13.431.148.386)	(13.263.446.615)
4	Tiền chi trả lãi vay	04			-
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(3.432.817.426)	(5.398.622.601)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		13.114.599.118	10.294.665.275
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(15.987.322.101)	(18.966.411.742)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.094.131.867	8.078.912.098
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn khác	21		(2.778.900.900)	(2.300.188.140)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS dài hạn khác	22		177.000.000	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		929.731.465	1.213.993.858
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.672.169.435)	(1.086.194.282)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.435.488.390)	(5.961.092.416)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.435.488.390)	(5.961.092.416)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(13.525.958)	1.031.625.400
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		34.045.515.582	32.940.504.581
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		121.684.359	73.385.601
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.1	34.153.673.983	34.045.515.582

Hải Phòng, ngày 06 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY CP GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Mai Dinh



Đỗ Thị Hồng Điệp



Phạm Thanh Minh

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 638/BNT-TCCB ngày 27 tháng 05 năm 1977 của Bộ Ngoại thương, sau đó được chuyển đổi sang Công ty Cổ phần và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0203003359 ngày 08/8/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 1 số 0200128737 ngày 13/05/2014 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 số 0200128737 ngày 05/09/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0200128737 ngày 05/09/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp thì vốn điều lệ của Công ty là 42.000.000.000 đồng (Bốn mươi hai tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực giao nhận kho vận ngoại thương.

3. Ngành nghề kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ giao nhận, kho vận, thuê và cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải, bốc xếp, thu gom chia lẻ, bảo quản đóng gói, phân loại hàng hóa làm thủ tục xuất nhập khẩu, hải quan, mua bảo hiểm hàng hóa. Nhận ủy thác của các đơn vị kinh tế, tổ chức cá nhân trong và ngoài nước. Tổ chức chuyên chở giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, hàng hóa ngoại giao, hàng quá cảnh, hàng hội chợ triển lãm, hàng thiết bị triển lãm, văn hóa nghệ thuật, hàng công trình, hàng biếu tặng, hàng mẫu, hàng quý. Tài liệu, chứng từ vận chuyển hàng hóa bằng các phương tiện vận tải; Dịch vụ chuyên phát nhanh trong nước và quốc tế. Dịch vụ liên quan đến kho ngoại quan; Kinh doanh máy móc, thiết bị, vật liệu xây dựng, sản phẩm đồ mộc, hàng nông sản và hàng tiêu dùng; Kinh doanh máy vi tính và linh kiện, phụ kiện máy vi tính; Đại lý tàu biển. Đại lý cho các hãng tàu nước ngoài về giao nhận vận tải thương mại; Cho thuê văn phòng làm việc; Kinh doanh dịch vụ thương mại, du lịch, dịch vụ ăn uống, giải khát, khách sạn và dịch vụ khách sạn./.

Trụ sở Công ty: Số 5A Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng, Việt Nam.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ, sử dụng phần mềm kế toán Effect.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày chuyển sang kỳ hạn đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty không có hàng tồn kho phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá TSCĐ do đầu tư xây dựng cơ bản hình thành theo phương thức giao thầu là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định tại Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành cộng (+) lệ phí trước bạ,

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

các chi phí liên quan trực tiếp khác. Trường hợp TSCĐ do đầu tư xây dựng đã đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán thì doanh nghiệp hạch toán nguyên giá theo giá tạm tính và điều chỉnh sau khi quyết toán công trình hoàn thành.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 50
- Phương tiện vận tải	8 - 10
- Máy móc thiết bị	5 - 6
- Thiết bị dụng cụ quản lý	5
- TSCĐ khác	5

4. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác:

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí sản xuất kinh doanh năm 2014, chi phí sửa chữa lớn TSCĐ thực tế chưa chi nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí trong kỳ, dựa trên dự toán chi phí và dự toán trích trước.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận khi đầu tư và mua sắm tài sản cố định bằng quỹ đầu tư phát triển của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu dịch vụ và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính là chênh lệch tỷ giá đã thực hiện.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

10. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

10.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

10.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí mua sắm tài sản cố định được ghi nhận khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ.

10.3 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với các dịch vụ giao nhận, lưu kho, cân hàng và dịch vụ bốc xếp, vận chuyển, trông giữ xe.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

10.4 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	174.198.000	116.452.000
Tiền gửi ngân hàng	3.220.475.983	6.095.063.582
VND	2.542.087.247	2.471.521.081
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	253.500.080	720.931.342
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.288.587.167	1.750.589.739
USD	678.388.736	3.623.542.501
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	507.322.813	3.454.929.905
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	171.065.923	168.612.596
Các khoản tương đương tiền	30.759.000.000	27.834.000.000
VND	19.000.000.000	19.400.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	19.000.000.000	19.400.000.000
USD	11.759.000.000	8.434.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	11.759.000.000	8.434.000.000
Tổng cộng	34.153.673.983	34.045.515.582

2. Các khoản phải thu khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH TMDV Vận tải Minh Vũ	416.522.905	722.212.905
Sumitomo Corporation Asia & Oceania PTE, LTD	121.090.706	-
Các đối tượng khác	405.781.925	629.441.639
Tổng cộng	943.395.536	1.351.654.544

3. Hàng tồn kho

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên vật liệu	21.546.409	29.826.485
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	21.546.409	29.826.485

4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	-	985.454.545
Tổng cộng	-	985.454.545

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

5. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
- Số dư ngày 01/01/2014	95.618.525.851	1.035.772.718	14.719.520.484	79.798.182	246.725.045	111.700.342.280
- Mua trong năm	-	-	1.717.139.090	-	-	1.717.139.090
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.387.882.636	-	-	-	-	1.387.882.636
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.300.000.000)	-	-	(1.300.000.000)
- Số dư ngày 31/12/2014	97.006.408.487	1.035.772.718	15.136.659.574	79.798.182	246.725.045	113.505.364.006
Giá trị hao mòn lũy kế						
- Số dư ngày 01/01/2014	63.678.150.410	660.350.608	7.060.475.261	63.838.560	131.586.719	71.594.401.558
- Khấu hao trong năm	3.946.970.670	78.928.812	1.387.278.608	15.959.622	49.345.020	5.478.482.732
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.300.000.000)	-	-	(1.300.000.000)
- Số dư ngày 31/12/2014	67.625.121.080	739.279.420	7.147.753.869	79.798.182	180.931.739	75.772.884.290
Giá trị còn lại						
- Tại ngày 01/01/2014	31.940.375.441	375.422.110	7.659.045.223	15.959.622	115.138.326	40.105.940.722
- Tại ngày 31/12/2014	29.381.287.407	296.493.298	7.988.905.705	-	65.793.306	37.732.479.716

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.591.216.215 VND

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

6. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	49.454.548
Săm lớp chờ phân bổ	579.918.518	417.760.854
Tổng cộng	579.918.518	467.215.402

7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2014	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2014
Thuế GTGT	69.340.115	3.736.575.587	3.520.900.493	285.015.209
Thuế TNDN	1.810.537.426	2.644.862.832	3.432.817.426	1.022.582.832
Thuế TNCN	129.975.686	170.158.529	244.676.557	55.457.658
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	4.505.879.200	4.607.504.800	5.550.621.000	3.562.763.000
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Tổng cộng thuế và các khoản phải nộp nhà nước	6.515.732.427			4.925.818.699

Đơn vị tính: VND

8. Chi phí phải trả

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh	562.234.142	220.850.000
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản	4.684.710.846	3.643.780.679
Tổng cộng	5.246.944.988	3.864.630.679

9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty CP Giao nhận Kho vận Ngoại thương	100.000.000	100.000.000
Các đối tượng khác	75.528.687	105.087.805
Tổng cộng	175.528.687	205.087.805

10. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nhận đặt cọc thuê văn phòng	360.000.000	360.000.000
Tổng cộng	360.000.000	360.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
(tiếp theo)

11. Vốn chủ sở hữu

11.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác thuộc chủ sở hữu	Quỹ khác của vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2013	42.000.000.000	4.918.728.179	1.252.617.158	958.337.885	2.116.335.890	374.226.354	51.620.245.466
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	12.104.997.880	12.104.997.880
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư ngày 01/01/2014	42.000.000.000	4.918.728.179	1.252.617.158	958.337.885	2.116.335.890	12.479.224.234	63.725.243.346
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	9.498.925.308	9.498.925.308
Tăng khác	-	1.082.396.364	360.948.368	618.025.333	601.580.614	-	2.662.950.679
Giảm khác	-	-	-	(1.082.396.364)	-	(12.031.612.279)	(13.114.008.643)
Số dư ngày 31/12/2014	42.000.000.000	6.001.124.543	1.613.565.526	493.966.854	2.717.916.504	9.946.537.263	62.773.110.690

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty

Quỹ dự phòng tài chính của Công ty được dùng để bù đắp những tổn thất thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo Quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm bằng 5% từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đến khi số dư bằng 10% vốn điều lệ thì ngừng trích.

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập tối thiểu là 5% từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu là quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ của Công ty, được trích không quá 5% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đến khi số dư bằng 10% vốn điều lệ thì ngừng trích.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

11.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương	27.771.000.000	27.771.000.000
Các cổ đông khác của Công ty	14.229.000.000	14.229.000.000
Tổng cộng	42.000.000.000	42.000.000.000

11.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	42.000.000.000	42.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	42.000.000.000	42.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	12.031.612.279	14.335.867.804

11.4 Cổ phiếu

	Năm 2014	Năm 2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	4.200.000	4.200.000
Cổ phiếu phổ thông	4.200.000	4.200.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.200.000	4.200.000
Cổ phiếu phổ thông	4.200.000	4.200.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**12. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	56.435.648.799	59.207.157.169
Tổng cộng	56.435.648.799	59.207.157.169

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

13. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	39.681.973.934	38.428.148.185
Tổng cộng	39.681.973.934	38.428.148.185

14. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	929.731.465	1.213.993.858
Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	121.055.572	154.794.389
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	121.684.359	73.385.601
Doanh thu tài chính khác	2.029	2.635
Tổng cộng	1.172.473.425	1.442.176.483

15. Chi phí tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.715.676	5.758.334
Chi phí tài chính khác	963	756
Tổng cộng	9.716.639	5.759.090

16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	57.647.350.217	61.514.285.019
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	45.625.246.436	45.472.135.314
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	12.022.103.781	16.042.149.705
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	25%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.644.862.832	4.010.537.426

17. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên, vật liệu	6.903.229.921	6.035.146.824
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.478.482.732	5.772.555.566

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Chi phí nhân công	14.198.461.285	15.231.054.709
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.378.355.068	9.800.239.937
Chi phí khác bằng tiền	5.630.409.215	8.616.275.518
Tổng cộng	45.588.938.221	45.455.272.554

18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.498.925.308	12.104.997.880
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	9.377.240.949	12.031.612.279
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.200.000	4.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.233	2.865

19. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ cộng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.153.673.983	34.045.515.582
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.471.498.838	5.563.196.252
Tổng cộng	39.625.172.821	39.608.711.834
	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	1.223.402.164	1.178.468.282
Chi phí phải trả	5.246.944.988	3.864.630.679
Tổng cộng	6.470.347.152	5.043.098.961

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không chịu rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	863.402.164	360.000.000	1.223.402.164
Chi phí phải trả	5.246.944.988	-	5.246.944.988

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	818.468.282	360.000.000	1.178.468.282
Chi phí phải trả	3.864.630.679	-	3.864.630.679

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.153.673.983	-	34.153.673.983
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.471.498.838	-	5.471.498.838

01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.045.515.582	-	34.045.515.582
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.563.196.252	-	5.563.196.252

VII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

2. Thông tin với các bên liên quan**2.1 Giao dịch với bên liên quan**

	Quan hệ với Công ty	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Bán hàng		4.690.916.481	6.175.689.731
Công ty CP Giao nhận Kho vận Ngoại thương	Công ty mẹ	4.690.916.481	6.175.689.731

2.2 Thu nhập ban giám đốc được hưởng trong năm

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lương	1.013.687.921	944.650.418
Tiền thưởng	34.500.000	36.000.000
Các khoản phúc lợi khác	15.000.000	21.000.000
Tổng cộng	1.063.187.921	1.001.650.418

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

2.3 Số dư với bên liên quan

		31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
Phải thu của khách hàng		548.600.000	958.078.500
Công ty CP Giao nhận Kho vận Ngoại thương	Công ty mẹ	548.600.000	958.078.500
Phải trả khác		100.000.000	100.000.000
Công ty CP Giao nhận Kho vận Ngoại thương	Công ty mẹ	100.000.000	100.000.000

3. Các thông tin khác**3.1 Phải thu của khách hàng**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH Cơ khí Xây lắp 19/5	581.750.000	590.610.000
Công ty CP Giao nhận Kho vận Ngoại thương	548.600.000	958.078.500
Phu Thai Trading PTE LTD	400.711.358	641.564.921
Daewoo International Corporantion	318.864.005	-
Các đối tượng khác	2.678.177.939	2.021.288.287
Tổng cộng	4.528.103.302	4.211.541.708

3.2 Trả trước cho người bán

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi nhánh CT TNHH MTV xây lắp & vật liệu xây dựng V	-	360.000.000
Công ty CP liên hợp xây dựng Huy Hoàng	450.000.000	-
Công ty TNHH thương mại DV vận tải Minh Vũ	22.770.000	69.200.000
Công ty TNHH thương mại vận tải An Phát	106.100.000	-
Tổng cộng	578.870.000	429.200.000

3.3 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	3.050.717.806	1.924.858.423
Nguyễn Thị Thu Huyền	2.760.063.771	760.000.000

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

<i>Trần Thị Minh Điệp</i>	-	839.100.323
<i>Nguyễn Tùng Lam</i>	-	100.000.000
<i>Các đối tượng khác</i>	290.654.035	225.758.100
Tổng cộng	3.050.717.806	1.924.858.423

3.4 Phải trả người bán

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty CP TMDV Tổng hợp cảng Hải Phòng	425.241.890	277.036.580
Công ty TNHH Cơ khí Xây lắp 19/5	109.300.000	22.150.000
Các đối tượng khác	153.331.587	314.193.897
Tổng cộng	687.873.477	613.380.477

3.5 Người mua trả tiền trước

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vestergaard Frandsen SA	143.224.656	-
Konoike Transportation Co., LTD	-	1.181.839.123
Tất Hồng Heavy Equipment PTE.,LTD	-	358.760.027
Các đối tượng khác	100.000.000	252.480.338
Tổng cộng	243.224.656	1.793.079.488

3.6 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ thuê kho và văn phòng	2.187.574.772	1.066.922.784
<i>Cục hải quan thành phố Hải phòng</i>	547.272.728	531.636.360
<i>Các đối tượng khác</i>	1.640.302.044	535.286.424
Tổng cộng	2.187.574.772	1.066.922.784

3.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.330.390.693	4.422.342.472
Chi phí vật liệu quản lý	57.627.600	87.830.409
Chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng	188.534.952	129.167.402

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Chi phí khấu hao tài sản cố định	679.952.239	583.324.284
Thuế, phí lệ phí	203.716.208	153.680.851
Chi phí dịch vụ mua ngoài	822.912.633	898.307.091
Chi phí bằng tiền khác	623.829.962	752.471.860
Tổng cộng	5.906.964.287	7.027.124.369

3.8 Thu nhập khác

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Hoàn nhập chi phí dự phòng lô hàng ngoại quan	-	626.778.000
Bán thanh lý nguyên vật liệu thu hồi	160.909.091	38.336.364
Thu nhập khác	3.261	273.222.604
Tổng cộng	160.912.352	938.336.968

3.9 Chi phí khác

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá trị nguyên vật liệu thanh lý	-	11.085.482
Chi phí thanh lý xe ô tô	8.500.000	-
Chi phí khác	18.091.576	18.188
Tổng cộng	26.591.576	11.103.670

4. Số liệu so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013 của Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hải Phòng, ngày 06 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY CP GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Mai Đình



Đỗ Thị Hồng Diệp



Phạm Thanh Minh